

Bản án số: 356/2019/HS-ST

Ngày: 25-9-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Triều

Bà Lê Thị Xuân Lang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 380/2019/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3934/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Phước A; (Tên gọi khác: Rim); Sinh ngày: 03/10/1995 tại M; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, tổ 29, xã Y, huyện T, tỉnh M; Chỗ ở: thôn L1, xã Y1, huyện T1, tỉnh M1; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Lê P, sinh năm 1967; Mẹ: Lê Thị Q, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 23/11/2016 bị Tòa án Nhân dân huyện T1 xử phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng, tại bản án số 44/2016/HSST; Tạm giam: ngày 16/01/2019. (Có mặt)

Người bào chữa: Ông Phương Văn I thuộc văn phòng luật sư Phương Gia – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Phước A. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các A liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 45' ngày 16/01/2019, tại khu vực ngã tư RMK thuộc khu phố 7, phường Y2, quận T2, TP. Hồ Chí Minh; Công an phường Y2, quận T2

phát hiện, bắt quả tang Lê Phước A có hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Vật chứng thu giữ gồm:

- Trong túi quần Jeans bên trái phía trước của A đang mặc có 03 bìch nylon hàn kín gồm: 01 bìch có ghi chữ “A 75g”, bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7,3738 gam, loại Methamphetamine; 01 bìch có ghi chữ “Tuyên”, bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,885 gam, loại Methamphetamine và 01 bìch có ghi chữ “Hiếu”, bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,8613 gam, loại Methamphetamine.

- Trên cổ phía bên trái của chiếc xe gắn máy biển số 72F1 - 613.43 do A đang điều khiển có 01 con gấu bông màu trắng xanh, bên trong con gấu bông có 03 bìch nylon hàn kín chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 34,3552 gam, loại Methamphetamine. Ngoài ra còn thu giữ của A 01 xe gắn máy hiệu Suzuki, biển số 72F1 - 613.43; 01 điện thoại di động hiệu HTC và 01 và 80 ống thủy tinh không chứa gì. Toàn bộ số ma túy thu giữ của A đã được giám định, kết quả thể hiện tại Bản kết luận giám định số 427/KLGD-H ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bl 38).

Quá trình điều tra được biết: Lê Phước A là đối tượng nghiện sử dụng ma túy đá từ năm 2016 cho đến lúc bị bắt. Vào khoảng tháng 5/2018, thông qua bạn bè ngoài xã hội giới thiệu A quen biết với Trần Vĩnh B (tên thường gọi là Nhóc; Sinh năm: 1986; Nơi đăng ký HKTT tại khu phố 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh M) và biết B bán ma túy tại khu vực ấp 4, xã Y3, huyện T3, TP. Hồ Chí Minh nên A đã nhiều lần mua ma túy đá của B rồi đưa về T4, M để sử dụng; Trong đó, lần cuối cùng A đã mua ma túy đá của B để sử dụng cách ngày bị bắt (16/01/2019) khoảng 01 tháng; Mỗi lần A mua ma túy đá của B để sử dụng với số tiền là 1.200.000đ được khoảng 05 gam ma túy đá. Đến chiều ngày 15/01/2019, khi A đang ở M1 thì A gọi điện thoại cho B để báo cho B biết vào ngày 16/01/2019 A sẽ xuống TP. Hồ Chí Minh gặp B mua ma túy đá của B để sử dụng, B đồng ý. Tối ngày 15/01/2019, A đi cùng ông Lê P (là bố của A) từ M1 xuống TP. Hồ Chí Minh để ông P thi bằng lái xe ô tô. Đến sáng ngày 16/01/2019, khi đến TP. Hồ Chí Minh, A cùng ông P đến địa điểm thi bằng lái xe ô tô tại đường Lê Thị Riêng, quận 12 để ông P vào thi, còn A một mình đi xe ôm đến nhà của B tại căn nhà 101/183A, tổ 20, ấp 4, xã Y3, huyện T3, TP. Hồ Chí Minh để gặp B. Tại đây, B lấy ma túy đá ra cho A và B cùng sử dụng nhưng B không lấy tiền

của A. Trong khi sử dụng ma túy đá, B đặt vấn đề thuê A vận chuyển ma túy đá từ TP. Hồ Chí Minh về huyện T, tỉnh M để giao cho khách của B và B hứa lần sau khi nào A đến TP. Hồ Chí Minh gặp B thì B sẽ trả công cho A bằng cách cho ma túy đá để A sử dụng, A đồng ý. Sau khi sử dụng xong ma túy đá, A đi xe ôm đến địa điểm thi bằng lái xe ô tô để đón ông P và cùng ông P đi đến bến xe Miền Đông, quận T5 để đón xe khách cho ông P đi về M1. Sau đó, A đi vào quán nước ven đường ở quận T5 để uống nước và chờ nhận ma túy của B đem về huyện T, tỉnh M. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày 16/01/2019, B gọi điện thoại cho A hẹn gặp A tại khu vực vòng xoay N1, phường Y7, quận T2, TP. Hồ Chí Minh. Tại đây, B đưa cho A 03 bìch nylon ma túy đá có ghi tên bên ngoài là “A 75g”, “Tuyên” và “Hiếu”; A cầm lấy ma túy của B đưa rồi cất giấu vào trong túi quần Jean bên trái phía trước đang mặc. B giao tiếp cho A 01 xe gắn máy biển số 72F1 - 613.43 trên cổ xe bên trái có treo 01 con gấu bông màu trắng xanh và nói với A là bên trong con gấu bông có chứa ma túy đá nhưng không nói cho A biết cụ thể khối lượng là bao nhiêu; Đồng thời, B đưa cho A 300.000 đồng để đi xăng đi về huyện T, tỉnh M. B dặn A đem xe và ma túy đá về đến huyện T thì gọi điện thoại thông báo cho B biết, khi nào có người tên “A”, “Tuyên”, “Hiếu” gọi điện thoại cho A để nhận ma túy thì nhờ A giao hộ cho họ giúp B; còn chiếc xe gắn máy và số ma túy đá trong con gấu bông, khi nào em của B gọi điện thoại thì giao xe gắn máy và ma túy cho em của B, A đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe gắn máy trên đi từ TP. Hồ Chí Minh về M, đi đến khu vực ngã tư RMK, khu phố 7, phường Y2, quận T2 thì A bị Công an kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Sau khi bắt giữ Lê Phước A, Cơ quan điều tra đã cho Lê Phước A chỉ điểm nơi ở của Trần Vĩnh B tại căn nhà số 101/183A, tổ 20, ấp 4, xã Y3, huyện T3, TP. Hồ Chí Minh nhưng qua kiểm tra tại thời điểm trên, căn nhà đóng cửa không có ai ở và kết quả xác minh tại địa phương tại căn nhà trên không có ai ở tên Trần Vĩnh B (Nhóc) cư trú như A đã khai. Qua xác minh tại khu phố 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh M (Nơi đăng ký HKTT của B) được biết hiện nay B không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa ghi lời khai của B để làm rõ việc B có liên quan đến hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” của A như lời A đã khai. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý đối với B trong vụ án này. Ngày 24/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh đã ra thông báo truy tìm đối với Trần Vĩnh B, khi nào tìm được B điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên A, Tuyên, Hiếu là các đối tượng nhận ma túy, do Lê Phước A khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Thu giữ của Lê Phước A: 03 gói niêm phong bên ngoài ghi: Gói 1: 427/19/Thủ Đức, bên trong là ma túy còn lại sau giám định (khối lượng 6,8892 gam, loại Methamphetamine); Gói 2: 427/19/Thủ Đức, bên trong là ma túy còn lại sau giám định (khối lượng 9,0827, loại Methamphetamine); Gói 3: 427/19/Thủ Đức, bên trong là ma túy còn lại sau giám định (khối lượng 33,8691, loại Methamphetamine). (Bên ngoài các gói 1, 2, 3 có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Nguyễn Phi Tùng); 01 (Một) điện thoại di động hiệu HTC và sim card; 01 (Một) gấu bông màu trắng xanh; 80 (Tám mươi) ống thủy tinh, mỗi ống dài 19 cm; 01 (Một) xe gắn máy hiệu Suzuki biển số 72F1 - 613.43, số khung: RLSDL11ANJV115697, số máy: CGA1-515646. Kết luận giám định số khung, số máy của chiếc xe trên là nguyên thủy, không bị đục lại. Kết quả điều tra được biết chiếc xe gắn máy biển số 72F1 - 613.43 trên do anh Bùi Ngọc Huy (Sinh năm: 1982, HKTT: ấp Vĩnh Bình, xã Bình Giã, huyện T, tỉnh M) đứng tên chủ sở hữu; Anh Huy khai ngày 14/01/2019 anh Huy cho Trần Vĩnh B (Sinh năm: 1986; Nơi đăng ký HKTT tại khu phố 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh M) mượn xe trên để B dùng làm phương tiện đi đám cưới ở Vũng Tàu nhưng sau đó B không trả và cũng không thông báo cho anh Huy biết xe đang ở đâu. Ngày 21/01/2019, anh Huy có làm đơn trình báo Công an huyện T về việc cho B mượn xe nhưng B không trả. Ngày 30/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Thông báo số 05/TB-CAH-CSĐT truy tìm đối tượng Trần Vĩnh B về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt A sản”. Ngày 10/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh đã bàn giao xe gắn máy biển số 72F1-613.43 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh M xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Cáo trạng số 275/CTr-VKS-P1 ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lê Phước A về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 3, Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phước A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, vai trò của bị cáo và xét bị cáo có một tiền án ngày 23/11/2016 bị Tòa án Nhân dân

huyện T1 xử phạt 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng, tại bản án số 44/2016/HSST chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục phạm tội trong vụ án này thuộc trường hợp “tái phạm” nên cần áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Phước A từ 15 năm tù đến 16 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù theo bản án số 44/2016/HSST ngày 23/11/2016 của Tòa án Nhân dân huyện T1. Buộc bị cáo Lê Phước A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 17 năm 03 tháng đến 18 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2019. Đồng thời phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Phước A trình bày: Thông nhất cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, luật sư chỉ nêu các tình tiết giảm nhẹ về hoàn cảnh phạm tội, do bản thân bị cáo là con nghiện bị lợi dụng cho sử dụng ma túy và yêu cầu vận chuyển ma túy chính bản thân của bị cáo cũng là người bị hại do hám lợi được sử dụng ma túy. Về tính tiết tái phạm luật sư cho rằng nếu hành vi đó tái đi tái lại thì được xem là tái phạm, tuy nhiên trong trường hợp này khi bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” và xác định lỗi của bị hại, khi xét xử bị cáo được hưởng án treo. Do đó có thể xem về nhân thân của bị cáo mà không thuộc trường hợp tái phạm. Mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tổng hợp hình phạt của bản án trước đề nghị xử bị cáo từ 17 năm 03 tháng đến 18 năm 03 tháng là quá nặng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Lê Phước A chấp nhận lời bào chữa của luật sư, không tranh luận thêm. Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần phải tranh luận đối đáp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các A liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy

lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người làm chứng; đối chiếu với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết quả giám định, vật chứng cùng các A liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận:

Lê Phước A là đối tượng nghiện ma túy, khoảng tháng 5/2018, thông qua bạn bè ngoài xã hội A quen biết và nhiều lần mua ma túy của Trần Vĩnh B để về T4, M sử dụng. Ngày 16/01/2019, B điện thoại hẹn A đến căn nhà 101/183A, tổ 20, ấp 4, xã Y3, huyện T3, Thành phố Hồ Chí Minh để gặp B và cho A sử dụng ma túy, đồng thời B đặt vấn đề thuê A vận chuyển ma túy đá từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện T, tỉnh M để giao cho khách của B và sẽ được B trả công cho sử dụng ma túy đá thì A đồng ý. Đến khoảng 12 giờ ngày 16/01/2019 tại khu vực vòng xoay N1, phường Y7, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh B giao cho A 03 bịch nylon ma túy đá có ghi tên bên ngoài là “A 75g”, “Tuyên” và “Hiếu” A cất giấu vào trong túi quần Jean bên trái và B giao tiếp cho A 01 xe gắn máy biển số 72F1 - 613.43 trên cổ xe bên trái có treo 01 con gấu bông màu trắng xanh bên trong con gấu bông có chứa ma túy đá nhưng không nói cho A biết cụ thể khối lượng là bao nhiêu và đưa cho A 300.000 đồng để đổ xăng đi về huyện T, tỉnh M để giao cho khách của B, khi đến khu vực khu phố 7, phường Y2, quận T2 thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy trên.

Tại bản kết luận giám định số 427/KLGD-H ngày 23/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Gói 01 được ký hiệu mẫu m_1 (“A 75g”), bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7,3738 gam, loại Methamphetamine; Gói 02 ký hiệu mẫu m_2 (“Tuyên”), bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,885 gam, loại Methamphetamine và ký hiệu mẫu m_3 (“Hiếu”), bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,8613 gam, loại Methamphetamine; Gói 03 ký hiệu m_4 (bên trong con gấu bông) bên trong có chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 34,3552 gam, loại Methamphetamine.

Với hành vi nêu trên của bị cáo Lê Phước A đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 250

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, do bị cáo đã thực hiện hành vi vận chuyển trái pháp chất ma túy để giao cho người khác và được hưởng lợi bằng cách cho sử dụng ma túy không mất tiền, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng ma túy ở thể rắn bị thu giữ là 51,4753 gam loại Methamphetamine đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 3, điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, ma túy là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về vật chất cho gia đình, xã hội mà còn làm huỷ hoại sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của người sử dụng. Đồng thời, cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo. Ngoài ra, tại bản án số 44/2016/HSST ngày 23/11/2016 của Tòa án Nhân dân huyện T1 đã xử phạt bị cáo 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 06 tháng (tính từ ngày 23/11/2016), bị cáo chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên thuộc trường hợp “tái phạm”. Do đó, cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 đối với bị cáo. Đồng thời, căn cứ vào khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự quy định trong thời gian thử thách án treo “Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới”. Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Từ những lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội tương ứng với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng thêm khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự phạt buộc bị cáo nộp một số tiền để tịch thu sung quỹ nhà nước tương ứng đối với bị cáo.

Đối với đối tượng Trần Vĩnh B qua lời khai bị cáo chỉ điểm tại căn nhà số 101/183A, tổ 20, ấp 4, xã Y3, huyện T3, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng qua kiểm tra tại thời điểm trên, căn nhà đóng cửa không có ai ở và kết quả xác minh tại địa phương tại căn nhà trên không có ai ở tên Trần Vĩnh B (Nhóc) cư trú như A đã khai. Qua xác minh tại khu phố 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh M (Nơi đăng ký

HKTT của B) được biết hiện nay B không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa ghi lời khai của B để làm rõ việc B có liên quan đến hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy” của A như lời A đã khai. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý đối với B trong vụ án này. Ngày 24/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo truy tìm đối với Trần Vĩnh B, khi nào tìm được B điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên A, Tuyên, Hiếu là các đối tượng nhận ma túy, do Lê Phước A khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Trên đây cũng là lập luận của Hội đồng xét xử về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cũng như bào chữa của Luật sư cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 427/19/Thủ Đức (Gói 1); 427/19/Thủ Đức (Gói 2); 427/19/Thủ Đức (Gói 3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (Gói 1 có khối lượng 6,8892 gam loại Methamphetamine; Gói 2 có khối lượng 9,0827 gam loại Methamphetamine; Gói 3 có khối lượng 33,8691 gam loại Methamphetamine), số ma túy này là vật lưu hành bất hợp pháp cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu HTC và sim card (không kiểm tra imei do không có nguồn điện, bung khay sim, giắc cắm tai nghe, trầy xước), được sử dụng liên lạc giao nhận ma túy, là phương tiện dùng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 con gấu bông màu trắng xanh, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 80 ống thủy tinh dài 19 centimet, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (Một) xe gắn máy hiệu Suzuki biển số 72F1 - 613.43, số khung: RLSDL11ANJV115697, số máy: CGA1-515646. Kết quả điều tra được biết chiếc xe gắn máy biển số 72F1 - 613.43 trên do anh Bùi Ngọc Huy đứng tên chủ sở hữu; Anh Huy khai ngày 14/01/2019 anh Huy cho Trần Vĩnh B (Sinh năm: 1986; Nơi đăng ký HKTT tại khu phố 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh M) mượn xe trên để B dùng làm phương tiện đi đám cưới ở Vũng Tàu nhưng sau đó B không trả và cũng không thông báo cho anh Huy biết xe đang ở đâu. Ngày 21/01/2019, anh Huy có làm đơn trình báo Công an huyện T về việc cho B mượn xe nhưng B không trả. Ngày 30/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an huyện T ra Thông báo số 05/TB-CAH-CSĐT truy tìm đối tượng Trần Vĩnh B về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt A sản”. Ngày 10/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh đã bàn giao xe gắn máy biển số 72F1-613.43 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh M xử lý theo thẩm quyền.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Phước A** 16 (mười sáu) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù theo bản án số 44/2016/HSST ngày 23/11/2016 của Tòa án Nhân dân huyện T1. Buộc bị cáo Lê Phước A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (mười tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Phước A 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 03 (03) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 427/19/Thủ Đức (Gói 1); 427/19/Thủ Đức (Gói 2); 427/19/Thủ Đức (Gói 3) có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải (PC09) và cán bộ điều tra Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định (Gói 1 có khối lượng 6,8892 gam loại Methamphetamine; Gói 2 có khối lượng 9,0827 gam loại Methamphetamine; Gói 3 có khối lượng 33,8691 gam loại Methamphetamine); 01 (một) con gấu bông màu trắng xanh; 80 (tám mươi) ống thủy tinh dài 19 centimet.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu HTC và sim card (không kiểm tra imei do không có nguồn điện, bung khay sim, giắc cắm tai nghe, trầy xước).

(Theo biên bản giao nhận tang vật A vật số 462/19 ngày 20/9/2019)

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà